TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Bản án số: 56/2021/DS-ST Ngày: 31/05/2021 V/v:*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Hoàng Anh

Bà Nguyễn Thị N

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 03 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST, ngày 13/05/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1948. Nơi ĐKHK thường trú: Hộ 24, Nhà A, Trung tâm giống gia súc, thôn Hạ, xã Y, huyện K, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số nhà 19, ngách 93, ngõ 528, đường G, phường R, quận B, TP Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thìn, sinh 1952. Nghề nghiệp: Luật sư. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1970. HKTT: Xóm M, thôn A 2, xã A, huyện K, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi cư trú: Xóm M, thôn A 2, xã A, huyện K, TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tạ Thị H1, sinh năm 1970. Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 19, ngách 93, ngõ 528, đường G, phường R, quận B, TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Đặng Thị N, sinh 1970. Địa chỉ nơi cư trú: Xóm M, thôn A 2, xã A, huyện K, TP Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Bà Tạ Thị H1, sinh năm 1970. Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 19, ngách 93, ngõ 528, đường G, phường R, quận B, TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI N VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết, nên khi ông Lê Văn D có nhu cầu vay tiền để làm ăn, bà Hồ Thị H đã đồng ý cho ông D vay số tiền 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng), vào ngày 21 tháng 02 năm 2016. Hai bên thỏa thuận thời hạn 26 tháng (hai sáu tháng), lãi suất thỏa thuận tiền vay là 1,5% tháng; Ngày ông D phải thanh toán tiền lãi cho bà H là ngày 21 dương lịch hàng tháng; Thời điểm thanh toán số tiền gốc là ngày 21/4/2018. Việc cho ông D vay tiền đã được lập thành văn bản có chữ ký của bên cho vay tiền và bên vay tiền và có chị Tạ Thị H1 (con gái bà H) là người làm chứng việc bà H cho ông D vay tiền ký vào Giấy vay tiền. Chính ông D là người soạn thảo và lập Giấy vay tiền ngày ngày 21 tháng 02 năm 2016, vợ ông D là Đặng Thị N có chơi thân với con gái bà H là Tạ Thị H1 nên bà H mới đồng ý cho ông D vay. Tiền cho vay thì bà H giao cho con gái Tạ Thị H1 đưa co ông D và con gái Tạ Thị H1 cũng là người thu tiền lãi và đối chiếu thanh toán hộ bà Hồ Thị H với ông Lê Văn D. Hai bên cũng thỏa thuận là tháng đầu tiền bà H không lấy lãi đối với ông D.

Sau khi vay, ông D trả được cho bà H 03 tháng tiền lãi và cho đến ngày 21/01/2017, ông D thông qua con gái bà H là Tạ Thị H1 đã đối chiếu và thanh toán cho bà H được 8 tháng lãi = 18.000.000 đồng. Từ đó cho đến hết thời hạn vay ngày 21/4/2018, cũng như từ sau ngày 21/4/2018 đến nay ông D không trả cho bà H được khoản tiền lãi nào và chưa thanh toán tiền gốc.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ theo đúng thỏa thuận đã ghi nhận tại giấy cho vay tiền ngày 21/02/2016, nhưng ông D cố tình không trả nợ.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, bà H có gửi thông báo cho ông D, yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi còn lại theo giấy vay tiền ngày 21/02/2016 là 214.125.000 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai năm đồng), nhưng ông D không thực hiện. Tiếp đó các ngày 21 tháng 12 năm 2018, bà H gửi thông báo lần 2 và ngày 21 tháng 12 năm 2020, bà H gửi thông báo lần 3, yêu cầu ông D thanh toán

tổng số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật là 337.171.930 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm bảy một nghìn chín trăm ba mươi đồng). Các thông báo này ông D đều nhận được nhưng ông D không thực hiện.

Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là: 150.000.000đvn; Tiền lãi trong hạn tính từ 21/01/2017 đến 21/4/2018 là 15 tháng: 150.000.000 x15 x1,5%/tháng = 33.750.000đvn; Tiền lãi quá hạn tính từ 21/4/2018 đến ngày 31/5/2021 là 37 tháng 10 ngày là 150.000.000đvn x150% của 1,5%/tháng = 154.350.000đồng. Tổng cộng là 348.100.000đồng.

Bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H. Theo ông D thì đúng là ông D đã thảo giấy cho vay tiền ngày 21/2/2016 và ông D đã ký vào bên vay tiền, xong có đưa cho chị Tạ Thị H1 là con gái bà Hồ Thị H mang về để bà Hồ Thị H ký vào bên cho vay rồi bà H đưa tiền 150.000.000đồng cho chị H1 để chị H1 đưa lại cho ông D vay. Nhưng thực tế chị H1 chưa đưa tiền cho ông D và do quen biết nên cũng không bảo chị H1 đưa lại "Giấy cho vay tiền" gốc để hủy đi. Nay bà Hồ Thị H và chị Tạ Thị H1 giữ "Giấy cho vay tiền" (bản gốc) dùng làm tài liệu để đem đi khởi kiện là không đúng.

Việc chị H1 nói đã nhận tiền của bà H và giao cho đủ cho ông D tại nhà ông D số tiền 150.000.000đồng vào ngày 21/2/2016 là không có. Vì tin tưởng chỗ bạn bè nên đã ký giấy vay tiền trước rồi đưa cho chị H1 mang về cho bà H ký để lấy tiền sau. Sai lầm của ông D là khi không nhận được tiền của bà H đã không đòi lại giấy cho vay tiền do ông D thảo và ký. Ông D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với các Thông báo của bà H yêu cầu ông D trả tiền đúng là ông D đã nhận được qua đường bưu điện do bà H gửi, ông D lưu giữ và đã gửi cho Tòa án. Ông D có nhận được 03 Thông báo nêu trên nhưng vì ông D nghĩ ông D không vay tiền nên không phải thực hiện.

Cũng theo ông D thì giữa ông D với bà Tạ Thị H1, con gái bà Hồ Thị H chơi thân với vợ ông Đặng Thị N, là chỗ bạn bè thân thiết đã giúp đỡ nhau nhiều trong làm ăn kinh tế và chị H1 nhiều lần cho ông D vay tiền. Theo ông D thì ông có vay của chị Tạ Thị H1 03 lần, mỗi lần 50 triệu đồng tiền vào các ngày 13/5/2016; ngày 07/6/2016; ngày 21/6/2016. Về các khoản vay nợ giữa ông D và chị Tạ Thị H1 không

phát sinh tranh chấp, ông D và chị H1, hai bên đã chốt nợ và ông là người lập bảng chốt nợ ngày 16/3/2017, sao chép từ sổ theo dõi của chị H1 ra. Bảng gốc chốt nợ giữa ông D và chị H1 ông đã nộp bản cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đứng, chị Tạ Thị H1 trình bày:

Do ông D cần tiền hỏi vay nên chị có hỏi mượn hộ ông D tiền từ mẹ chị là bà Hồ Thị H. Chính ông D là người thảo Giấy vay tiền ngày 21/2/2016, sau đó ông D ký trước, chị mang về cho mẹ chị ký và mẹ chị đã đưa cho chị H1 số tiền 150.000.000đồng để chị đem đến đưa cho ông D số tiền 150.000.000đồng, tại nhà ông D ngay trong ngày 21/2/2016, khi đó chỉ có ông D ở nhà, ông D cầm và không phải viết thêm giấy tờ gì nữa. Loại tiền tôi đưa chủ yếu là tiền 500.000 đồng và các loại tiền mệnh giá khác vì thời gian đã lâu nên chị không nhớ chính xác.

Đối với khoản tiền của chị cho ông D vay ngày 13/5/2016; ngày 07/6/2016; ngày 21/6/2016 là khoản vay nợ giữa chị và ông Lê Văn D, không liên quan đến số tiền ông D vay của mẹ chị. Giữa chị và ông D đã chốt nợ các khoản vay và không có tranh chấp vào ngày 16/3/2017. Khi cho ông D vay cũng chỉ viết sổ và hai bên chốt nợ mà không có chữ ký nào của ông D trong sổ theo dõi công nợ của chị vì là chỗ bạn bè thân thiết. Nay số tiền ông D vay của mẹ chị là mồ hôi công sức và là tiền chế độ vợ liệt sỹ của mẹ chị vì tin bạn bè nên chị mới hỏi vay hộ nay còn bị dựng chuyện là không đưa tiền mà đi đòi thì đấy là điều không thể chấp nhận đối với ông D. Chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết đem lại sự công bằng cho mẹ chị và giải tỏa sự tổn thương về mặt thể xác và tinh thần cho mẹ chị mà ông D mang lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N (vợ ông Lê Văn D) vắng mặt tại tòa, có đơn xin vắng mặt và trình bày:

Bà N không liên quan đến khoản tiền vay của ông D với bà H. Bà không biết việc vay nợ, nếu có vay thì ông D vay sử dụng riêng, phải tự chịu trách nhiệm thanh toán, bà N không liên quan. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra

đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015.

Về nội N vụ án: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thấy có căn cứ xác nhận ông Lê Văn D có vay của bà Hồ Thị H số tiền 150.000.000đồng, theo giấy vay nợ ngày 21/02/2016, hai bên thỏa thuận thời hạn 26 tháng (hai sáu tháng), lãi suất thỏa thuận tiền vay là 1,5% tháng; Ngày ông D phải thanh toán tiền lãi cho bà H là ngày 21 dương lịch hàng tháng; Thời điểm thanh toán số tiền gốc là ngày 21/4/2018. Theo bản chốt công nợ ngày thì xác định ông D đã thanh toán cho bà H 10 tháng tiền lãi, số tiền 22.500.000đồng, bà H cho ông D 01 tháng tiền lãi đầu.

Từ ngày 21/02/2016 đến ngày 31/12/2016, thời gian 10 tháng 10 ngày được tính mức lãi suất áp dụng BLDS 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Theo thỏa thuận hợp đồng vay ngày 21/02/2016 thì hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, tương đương 18% năm. Theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm, quá hạn 150% tương đương 13.5%, việc ông D và bà H thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng (tức 18%/năm, phần vượt quá 4,5% không được chấp nhận. Cụ thể: 150.000.000đồng x 13,5% năm x 10 tháng 10 ngày = 17.205.000đồng; Từ 01/01/2017 đến hết ngày 21/04/2018 lãi trong hạn là 15 tháng 20 ngày tính mức lãi suất áp dụng BLDS 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể: 150.000.000đồng x 1,5% tháng x 15 tháng 20 ngày = 35.220.000đồng; Lãi trên nợ lãi từ 22/1/2017 đến 21/4/2018 là 14 tháng 29 ngày là 3.627.807 đồng; Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 22/04/2018 đến ngày 31/05/2021 là 37 tháng 10 ngày x 150% của 1,5%/tháng = 125.820.000đồng. Tổng tiền lãi là:181.872.807đồng – 22.500.000 đồng đã thanh toán, phần lãi còn phải thanh toán là 159.372.807đồng.

Vậy, buộc ông Lê Văn D phải thanh toán cho bà Hồ Thị H 150.000.000đồng và 159.372.807đồng, tiền lãi.

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ ánđược thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Hồ Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Lê Văn D phải thanh toán khoản tiền 150.000.000đồng, do bà H cho ông D vay theo giấy vay tiền ngày 21/02/2016 và khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đối với phần tiền lãi trong hạn và quá hạn. Do vậy, quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

- Nơi cư trú của ông Lê Văn D tại Xóm M, thôn A 2, xã A, huyện K, TP Hà Nội. Do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội. Mặt khác, ông D có vợ là bà Đặng Thị N, thời gian vay 2016, bà N đang là vợ ông D; bà Tạ Thị H1 con gái bà H có quen biết ông D là người đứng ra vay hộ tiền của bà H và là người cầm tiền của bà H đưa tiền cho ông D, ký là người làm chứng ký vào giấy vay tiền giữa bà H với ông D vì vậy cần đưa bà N, bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

Bà N có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội N và giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1] Giấy cho vay tiền lập ngày 21/02/2016 do các đương sự xuất trình bản chính lưu giữ trong hồ sơ, có chữ ký của bên vay ông Lê Văn D; bên cho vay bà Hồ Thị H và người làm chứng chị Tạ Thị H1. Ông Lê Văn D không đồng ý thanh toán vì theo ông D do ông chưa nhận được tiền từ bà H.

Nhưng xét, tại phiên tòa ông Lê Văn D cũng thừa nhận giấy vay tiền này do chính ông lập, đưa cho chị H1 cầm về để bà H ký. Theo Giấy cho vay tiền nêu trên thì: *Bên A (bên cho vay) đồng ý cho bên B (bên vay) vay tiền với nội N sau: Số tiền cho vay 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)….* Tại khoản 1 Điều 3 của Giấy cho vay tiền lập ngày 21/02/2016, ghi rõ: *Bên A (bên cho vay) sẽ giao cho bên B (bên vay) đủ số tiền cho bên B vay như đã ghi trong giấy vay tiền này, và đúng thời gian như đã ghi trên.*

Khoản 2 nêu: *Bên B cam kết thực hiện thanh toán lãi hàng tháng, và trả toàn bộ số tiền gốc đã vay của bên A đúng như đã qui định tại khoản 5 và khoản 2 Điều 2 của giấy vay tiền này.*

Chị Tạ Thị H1 tại tòa trình bày sau khi đưa cho mẹ chị ký thì cầm tiền đưa cho ông D tại nhà ông D ngay trong ngày 21/02/2016.

Mặt khác ông D cũng thừa nhận sau ngày hết thời hạn vay 21/4/2018 thì ông có nhận được 03 bản thông báo của bà H đề nghị ông thanh toán khoản tiền vay 150.000.000đồng và lãi chưa trả, ngày thông báo cuối cùng là 21/12/2020, ông đã nộp 03 bản thông báo trên cho Tòa án. Xét trong 03 thông báo trên thì bà Hồ Thị H đều nêu rõ yêu cầu ông Lê Văn D phải thanh toán khoản tiền vay gốc 150.000.000đồng và số tiền nợ lãi chưa trả, ông D đều nhận được. Nếu ông D không được nhận tiền vay thì phải có ý kiến phản hồi đối với bà H ngay về vấn đề bà H yêu cầu vì ông không nhận được tiền vay nên việc bà H yêu cầu ông phải thanh toán là vô lý. Ông D trình bày do ông không nhận tiền nên không cần thực hiện và không có ý kiến phản hồi là không có căn cứ chấp nhận.

Cũng tại Bảng đối chiếu công nợ thanh toán ngày 16/03/2017 do ông D xuất trình thì ông D thừa nhận là sao từ sổ ghi theo dõi công nợ của chị H1 ra, thanh toán và không có tranh chấp. Tại mục 17 đã ghi rõ: Tiền lãi của bà 8 tháng từ 21/5 đến 21/01/2017 là 18.000.000đồng. Kiểm tra sổ do chị H1 xuất trình thì cột bên trái ghi rõ: Bà cho D vay từ ngày 21/02/2016, lãi suất 1,5%; tháng đầu không lấy lãi; tháng thứ hai từ 21/3 tiền lãi 2.250.000đồng; tháng thứ ba từ 21/4 tiền lãi 2.250.000đồng; từ 21/516 đến 21/01/17 tổng là 8 tháng x 2.250.000đồng = 18.000.000đồng….

Như vậy các tài liệu chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác nhận bà Hồ Thị H đã cho ông Lê Văn D vay số tiền 150.000.000đồng theo Giấy cho vay tiền ngày 21/02/2016, theo giấy vay tiền này thì thời hạn vay là 26 tháng, kết thúc thời hạn vay là 21/04/2018. Lãi suất thỏa thuận vay theo hợp đồng là 1,5% tháng.

Nay đã hết thời hạn vay, ông Lê Văn D không thanh toán, bà H yêu cầu giải quyết buộc ông D trả tiền cho bà là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu của bà H buộc ông Lê Văn D phải thanh toán lãi trong hạn chưa thanh toán và lãi quá hạn chưa thanh toán thì theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận

Cụ thể cần buộc ông D phải thanh toán cho bà H: Từ ngày 21/02/2016 đến ngày 31/12/2016, thời gian 10 tháng 10 ngày được tính mức lãi suất áp dụng BLDS 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Theo thỏa thuận hợp đồng vay ngày 21/02/2016 thì hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%, tương đương 18% năm. Theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm, quá hạn 150% tương đương 13.5%, vì ông D không thừa nhận vay và thanh toán lãi suất vay nên phần lãi suất thỏa thuận cao hơn 13,5% năm sẽ không được chấp nhận. Cụ thể: 150.000.000đồng x 13,5% năm x 10 tháng 10 ngày = 17.205.000đồng; Từ 01/01/2017 đến hết ngày 21/04/2018 là 15 tháng 20 ngày tính mức lãi suất áp dụng BLDS 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể: 150.000.000đồng x 1,5% tháng x 15 tháng 20 ngày = 35.220.000đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 22/04/2018 đến ngày 51/05/2021 là 37 tháng 10 ngày x 150% của 1,5%/tháng = 125.820.000đồng. Tổng tiền lãi là: 178.245.000đồng – 22.500.000đồng đã thanh toán, phần lãi còn phải thanh toán là 155.745.000đồng.

Tổng gốc và lãi là: 305.745.000đồng.

[2.3] Theo đơn xin xét xử vắng mặt thì bà Đặng Thị N vợ ông D nêu rõ bà không biết ông D vay, bà xác nhận nêu ông D vay thì phải tự chịu trách nhiệm. Cũng căn cứ vào giấy cho vay tiền và lời trình bày của ông D thì Giấy cho vay tiền chỉ có chữ ký của ông D không có chữ ký của bà N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: "Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. Tuy nhiên, trong trường hợp vợ hoặc chồng xác lập thực hiện giao dịch liên qua đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là có sự đồng ý của bên kia". Vì vậy việc buộc bà N cùng có trách nhiệm trả ông bà H khoản tiền 150.000.000đồng là chưa có căn cứ vững chắc nên không gắn trách nhiệm đưa bà N vào thanh toán là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Hồ Thị H được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được hoàn trả lại.

Ông Lê Văn D phải chịu toàn bộ án phí trên nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 305.745.000đ.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476; Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 3; Điều 9; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H.

2. Xác nhận ông Lê Văn D có nợ bà Hồ Thị H 150.000.000đồng tiền gốc theo Giấy vay tiền ngày 21/02/2016 và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đến ngày 31/05/2021 là 155.745.000đồng. Tổng gốc và lãi là 305.745.000đ.

3. Buộc ông Lê Văn D phải thanh toán cho bà Hồ Thị H 150.000.000đồng tiền gốc và 155.745.000đồng tiền lãi. Tổng gốc và lãi là 305.745.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn D phải chịu 15.287.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án để kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND h. K;
-Chi cục THADS h. K;
-TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
-Lưu văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Long